TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 30A/2018/QĐST-HNGĐ	*Phú Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 179/2017/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978

Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1981
Đồng trú tại: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện H, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1944
Trú tại: KP Đ2, thị trấn P, huyện H, tỉnh Phú Yên.
2. Ngân hàng N
Địa chỉ: L, quận Đ, thành phố Hà Nội
Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Trọng H, Giám đốc ngân hàng N Chi nhánh huyện H, tỉnh Phú Yên.
(*Theo giấy ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N*)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.
Căn cứ vào biên bản Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Trung T1, sinh ngày 22/03/2004 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp nguyện vọng của con).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Trần Thị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng N thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Về số tiền nợ: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q có nợ của Ngân hàng N tổng số tiền 70.378.100đ, trong đó: Nợ gốc 30.000.000đ, nợ tiền lãi tính đến ngày 19/3/2018 là 40.378.100đ(Theo hợp đồng vay tín chấp ngày 23/5/2012). Nhưng Ngân hàng N Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q trả tổng số tiền 55.890.000đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 25.890.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); không yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q trả số tiền lãi 14.488.100đ.

+ Về trách nhiệm và thời hạn trả nợ như sau:

Ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 40.590.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) (gồm gốc: 30.000.000đ và lãi: 10.590.000đ). Ông Nguyễn Văn T trả nợ cụ thể như sau: Ngày 01/4/2018 trả 25.000.000đ (tiền gốc), ngày 01/5/2018 trả 3.000.000đ (tiền gốc), ngày 01/6/2018 trả 3.000.000đ (tiền gốc: 2.000.000đ và tiền lãi: 1.000.000đ), ngày 01/7/2018 trả 3.000.000đ (tiền lãi), ngày 01/8/2018 trả 3.000.000đ (tiền lãi), ngày 01/9/2018 trả 3.590.000đ (tiền lãi).

Bà Trần Thị Q phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng) (toàn bộ là lãi phát sinh từ nợ gốc).

Từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2018, mỗi tháng bà Trần Thị Q trả cho Ngân hàng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), trả vào ngày 01 hàng tháng; ngày 01/01/2019 bà Trần Thị Q trả 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Nếu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q không thực hiện đúng cam kết nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 23/05/2012 mà các bên đã ký kết, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G079990 của UBND thị xã T cấp ngày 10/12/1997 do bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột ông Nguyễn Văn T) đứng tên thì ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng N Việt Nam thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ- ST và toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về phần nợ chung là 1.397.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ông T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007733 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Yên nên ông T còn phải nộp số tiền 1.247.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn lại cho ngân hàng N Việt Nam số tiền 1.382.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007829 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- VKSND h.Phú Hòa;
- Chi cục THA Dsự h.Phú Hòa;
- UBND tt.Phú Hòa, h.Phú Hòa;
(theo GKH số 53 ngày 19/7/2006, quyển số 01/06)
- Lưu hsơ vụ án; lưu án văn.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Quy